



**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**Câu 1 (2,0 điểm): Trái đất:**

a) Cho bảng số liệu:

**ĐỘ DÀI THỜI GIAN CÁC MÙA TRONG NĂM**

Bán cầu Bắc	Số ngày	Bán cầu Nam
	90	
	93	
	89	
	93	

Hãy điền các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông ở các bán cầu tương ứng với độ dài thời gian trên.

b) Giải thích vì sao ở bán cầu Bắc lại có mùa nóng dài hơn mùa lạnh?

**Câu 2 (2,0 điểm): Thổ nhưỡng, sinh quyển:**

Trình bày sự phân bố của kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính phù hợp với các kiểu khí hậu ôn đới và cận cực lục địa. Nguyên nhân nào dẫn tới sự phân bố của các kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính theo vĩ độ và theo độ cao địa hình?

**Câu 3 (1,5 điểm): Khí quyển (lí thuyết chung SGK):**

Khí áp là gì? Nêu nguyên nhân làm thay đổi khí áp. Giải thích về sự hình thành đai áp cao cận chí tuyến.

**Câu 4 (1,5 điểm): Khí quyển (câu hỏi nâng cao):**

Trình bày sự khác biệt giữa gió Mậu dịch và gió Tây ôn đới. Giải thích tại sao cùng xuất phát từ áp cao chí tuyến, nhưng gió Mậu dịch nói chung là khô, còn gió Tây ôn đới lại ẩm và gây mưa nhiều?

**Câu 5 (2,0 điểm): Thủy quyển:**

Nêu sự giống nhau giữa vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn của nước trên Trái Đất. Trình bày và giải thích sự thay đổi độ muối ở đại dương theo vĩ độ.

**Câu 6 (2,0 điểm): Quy luật địa lí:**

Trình bày sự phân bố các vòng đai nhiệt trên Trái Đất. Tại sao quy luật địa đới là quy luật phổ biến nhất trong lớp vỏ địa lí?

**Câu 7 (2,0 điểm): Dân cư đại cương:**

Trình bày sự khác nhau về cơ cấu dân số theo giới, cơ cấu dân số theo tuổi và quá trình đô thị hóa giữa nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển.

**Câu 8 (2,0 điểm): Cơ cấu kinh tế, ngành kinh tế:**

Các nhân tố kinh tế xã hội có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

**Câu 9 (2,0 điểm): Môi trường và phát triển bền vững:**

Nêu sự khác nhau căn bản giữa môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo. Phân tích ba chức năng của môi trường địa lí.

**Câu 10 (3,0 điểm): Bài tập địa lí dân cư, ngành kinh tế Việt Nam.**

Cho bảng số liệu sau:

*Sản lượng than, dầu mỏ và điện của nước ta thời kì 2000 – 2011*

<b>Năm</b>	<b>2000</b>	<b>2005</b>	<b>2008</b>	<b>2011</b>
Dầu mỏ (triệu tấn)	16,3	18,5	14,9	15,2
Than (triệu tấn)	11,6	34,1	39,8	46,6
Điện (tỉ Kwh)	26,7	52,1	71,0	101,2

- Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất so sánh tình hình sản xuất than, dầu mỏ và điện của nước ta thời kì 2000 – 2011.
- So sánh và giải thích tình hình sản xuất than, dầu mỏ và điện của nước ta thời kì trên.

----- Hết -----  
(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh: ..... Số báo danh: .....



Câu	Nội dung	Điểm															
<b>Câu 1: Trái đất:</b>		<b>2,0</b>															
1 (2.0)	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Xác định các mùa</b></li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Bắc bán cầu</th> <th>Số ngày</th> <th>Nam bán cầu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thu</td> <td>90</td> <td>Xuân</td> </tr> <tr> <td>Xuân</td> <td>93</td> <td>Thu</td> </tr> <tr> <td>Đông</td> <td>89</td> <td>Hạ</td> </tr> <tr> <td>Hạ</td> <td>93</td> <td>Đông</td> </tr> </tbody> </table>	Bắc bán cầu	Số ngày	Nam bán cầu	Thu	90	Xuân	Xuân	93	Thu	Đông	89	Hạ	Hạ	93	Đông	0,5
	Bắc bán cầu	Số ngày	Nam bán cầu														
	Thu	90	Xuân														
	Xuân	93	Thu														
	Đông	89	Hạ														
Hạ	93	Đông															
<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Giải thích vì sao ở bán cầu Bắc lại có mùa nóng dài hơn mùa lạnh?</b></li> </ul>		0,5															
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời với quỹ đạo hình elip gần tròn nên có lúc Trái Đất ở gần, có lúc Trái Đất ở xa Mặt Trời, vì vậy vận tốc chuyển động của Trái Đất trên quỹ đạo không đều, sinh ra thời gian các mùa trong năm không đều nhau.</li> </ul>		0,25															
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì trục Trái Đất nghiêng nên từ ngày 21/3 đến ngày 23/9, bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, diện tích được chiếu sáng và góc chiếu sáng lớn, lượng nhiệt cao tạo nên mùa nóng của bán cầu Bắc.</li> </ul>		0,25															
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian này, do Trái Đất chuyển động trên 1/2 quỹ đạo có điểm viễn nhật, ở xa Mặt Trời hơn nên chịu lực hút nhỏ, nên vận tốc quay quanh Mặt Trời giảm, vì thế thời gian quay dài hơn là 186 ngày.</li> </ul>		0,25															
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì trục Trái Đất nghiêng nên từ ngày 23/9 đến ngày 21/3, bán cầu Bắc chệch xa Mặt Trời, diện tích được chiếu sáng và góc chiếu sáng nhỏ, lượng nhiệt thấp tạo nên mùa lạnh của bán cầu Bắc.</li> </ul>		0,25															
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian này, do Trái Đất chuyển động trên 1/2 quỹ đạo có điểm cận nhật, ở gần Mặt Trời hơn nên chịu lực hút lớn, nên vận tốc quay quanh Mặt Trời nhanh hơn, vì thế thời gian quay ngắn hơn là 179 ngày.</li> </ul>		0,25															
<b>Câu 2: Thổ nhưỡng, sinh quyển:</b>		<b>2,0</b>															
2 (2.0)	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Trình bày sự phân bố của kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính phù hợp với các kiểu khí hậu ôn đới và cận cực lục địa.</b></li> </ul>	0,25															
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu khí hậu ôn đới lục địa (lạnh): Đất pôtdôn và thảm thực vật rừng lá kim.</li> </ul>	0,25															
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu khí hậu ôn đới hải dương: Đất nâu và xám; thảm thực vật rừng lá rộng và rừng hỗn hợp.</li> </ul>	0,25															
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu khí hậu ôn đới lục địa (nửa khô hạn): Đất đen và thảm thực vật thảo nguyên.</li> </ul>	0,25															
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu khí hậu cận cực lục địa: Đất đài nguyên và thảm thực vật đài nguyên.</li> </ul>	0,25															

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nguyên nhân nào dẫn tới sự phân bố của các kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính theo vĩ độ và theo độ cao địa hình?</b></li> <li>- Sự phân bố của các thảm thực vật trên thế giới phụ thuộc nhiều vào khí hậu (chủ yếu là chế độ nhiệt, ẩm); chế độ nhiệt, ẩm lại thay đổi theo vĩ độ và độ cao, do đó các thảm thực vật cũng thay đổi theo vĩ độ và độ cao địa hình.</li> <li>- Ở vùng núi, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, lượng mưa và độ ẩm lại tăng đến một độ cao nào đó rồi mới giảm, kéo theo sự phân bố các vành đai thực vật và đất theo độ cao.</li> <li>- Đất: chịu tác động mạnh mẽ của cả khí hậu và sinh vật nên sự phân bố đất trên lục địa cũng tuân theo các quy luật này.</li> </ul>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<b>Câu 3: Khí quyển cơ bản</b>		<b>1,5</b>
<b>3 (1,5)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Khí áp là gì?</b></li> <li>- Khí áp: Là sức nén của không khí xuống bề mặt Trái Đất.</li> <li>• <b>Nêu nguyên nhân làm thay đổi khí áp.</b></li> <li>- Khí áp thay đổi theo độ cao: Càng lên cao không khí càng loãng nên sức nén càng nhỏ, khí áp giảm.</li> <li>- Khí áp thay đổi theo nhiệt độ: Nhiệt độ tăng, không khí giãn nở ra, tỉ trọng giảm đi, khí áp giảm. Nhiệt độ giảm, không khí co lại, tỉ trọng tăng, khí áp tăng.</li> <li>- Khí áp thay đổi theo độ ẩm: Không khí chứa hơi nước nhẹ hơn không khí khô, nên không khí nhiều hơi nước thì khí áp giảm.</li> <li>• <b>Giải thích về sự hình thành đai áp cao cận chí tuyến?</b></li> <li>- Do dòng không khí bốc lên ở xích đạo rồi chuyển động về phía cực, đến khu vực cận chí tuyến lạnh hẳn thì nén xuống hình thành áp cao cận chí tuyến.</li> <li>- Do dòng không khí bốc lên từ khu vực ôn đới, tỏa về phía xích đạo, đến khu vực cận chí tuyến lạnh hẳn thì nén xuống, góp phần hình thành áp cao cận chí tuyến (áp cao động lực).</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<b>Câu 4: Khí quyển nâng cao:</b>		<b>1,5</b>
<b>4 (1,5)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Trình bày sự khác biệt giữa gió Mậu dịch và gió Tây ôn đới:</b></li> <li>- Nguyên nhân, phạm vi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Gió Tây ôn đới: thổi từ các khu áp cao chí tuyến về vùng áp thấp ôn đới.</li> <li>+ Gió Mậu dịch: thổi từ các áp cao ở hai chí tuyến về Xích đạo.</li> </ul> </li> <li>- Hướng gió: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Gió Tây ôn đới: chủ yếu là hướng Tây (ở bán cầu Bắc là hướng tây nam, còn ở bán cầu Nam là hướng tây bắc).</li> <li>+ Gió Mậu dịch: ở bán cầu Bắc có hướng đông bắc, ở bán cầu Nam có hướng đông nam.</li> </ul> </li> <li>- Tính chất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Gió Tây ôn đới: thường đem theo mưa, độ ẩm cao quanh năm.</li> <li>+ Gió Mậu dịch: tính chất nói chung là khô, ít gây mưa.</li> </ul> </li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giải thích tại sao cùng xuất phát từ áp cao chí tuyến, nhưng gió Mậu dịch nói chung là khô, còn gió Tây ôn đới lại ẩm và gây mưa nhiều?</b></li> <li>- Gió Tây ôn đới thổi từ vùng vĩ độ thấp lên vùng vĩ độ cao là khu vực có nhiệt độ lạnh hơn nên sức chứa hơi nước giảm theo nhiệt độ, hơi nước nhanh chóng đạt đến độ bão hòa, vì thế gió Tây ôn đới luôn ẩm ướt và gây mưa.</li> <li>- Gió Mậu dịch: di chuyển đến các vùng có nhiệt độ trung bình cao hơn nên hơi nước càng tiến xa độ bão hòa, không khí càng trở nên khô.</li> </ul>	<p>0,5</p> <p>0,25</p>
<b>Câu 5 : Thủy quyển:</b>		<b>2,0</b>
<b>5 (2.0)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nêu sự giống nhau giữa vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn của nước trên Trái Đất:</b></li> <li>- Đều là các vòng tuần hoàn khép kín</li> <li>- Đều có 2 quá trình: bốc hơi và nước rơi</li> <li>- Đều có tác nhân chính là bức xạ Mặt Trời</li> <li>• <b>Trình bày và giải thích sự thay đổi độ muối ở đại dương theo vĩ độ.</b></li> <li>- Độ muối trung bình của nước biển là 35‰ nhưng có sự thay đổi theo vĩ độ.</li> <li>+ Dọc Xích Đạo, độ muối là 34,5‰.</li> <li>+ Vùng chí tuyến, độ muối lên tới 36,8‰.</li> <li>+ Gần hai cực, độ muối chỉ còn 34‰.</li> <li>- Khu vực xích đạo, do có lượng mưa lớn và là nơi có nhiều cửa sông lớn đổ ra biển nên độ muối không cao.</li> <li>- Khu vực chí tuyến có nhiệt độ cao, độ bốc hơi lớn. Đồng thời có sự thống trị của khối không khí chí tuyến và áp cao cận chí tuyến mưa rất ít nên độ mặn cao tới 36,8‰ .</li> <li>- Khu vực gần cực nhiệt độ thấp quanh năm, độ bốc hơi kém và có nhiều băng tan nên độ muối thấp.</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<b>Câu 6 : Quy luật địa lí</b>		<b>2,0</b>
<b>6 (2.0)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Trình bày sự phân bố các vòng đai nhiệt trên Trái Đất:</b></li> <li>- Từ Bắc Cực đến Nam Cực có bảy vòng đai nhiệt:</li> <li>- Vòng đai nóng nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm <math>+20^{\circ}\text{C}</math> của hai bán cầu (khoảng giữa hai vĩ tuyến <math>30^{\circ}\text{B}</math> và <math>30^{\circ}\text{N}</math>).</li> <li>- Hai vòng đai ôn hòa ở hai bán cầu nằm giữa các đường đẳng nhiệt năm <math>+20^{\circ}\text{C}</math> và đường đẳng nhiệt <math>+10^{\circ}\text{C}</math> tháng nóng nhất.</li> <li>- Hai vòng đai lạnh ở các vĩ độ cận cực của hai bán cầu, nằm giữa đường đẳng nhiệt <math>+10^{\circ}\text{C}</math> và <math>0^{\circ}\text{C}</math> của tháng nóng nhất.</li> <li>- Hai vòng đai băng giá vĩnh cửu bao quanh cực, nhiệt độ quanh năm đều dưới <math>0^{\circ}\text{C}</math>.</li> <li>• <b>Tại sao quy luật địa đới là quy luật phổ biến nhất trong lớp vỏ địa lí?</b></li> <li>- Là quy luật phổ biến vì:</li> <li>+ Quy luật địa đới được biểu hiện trong nhiều thành phần và cảnh quan địa lí trên Trái đất: sự phân bố các vòng đai nhiệt, các đai khí áp, các đới gió, các đới khí hậu, các nhóm đất và các thảm thực vật...</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>

	+ Nguyên nhân sinh ra quy luật này là do Trái Đất hình cầu và bức xạ mặt trời. Bức xạ Mặt trời là nguồn gốc và động lực của nhiều hiện tượng và quá trình tự nhiên ở bề mặt đất.	<b>0,5</b>
<b>Câu 7 : Dân cư đại cương:</b>		<b>2,0</b>
<b>7 (2.0)</b>	<b>Điểm khác nhau về cơ cấu dân số theo giới, cơ cấu dân số theo tuổi và quá trình đô thị hóa giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển?</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu dân số theo giới:</li> <li>+ Nước phát triển: tỉ lệ nữ thường cao hơn tỉ lệ nam</li> <li>+ Nước đang phát triển: tỉ lệ nam thường cao hơn tỉ lệ nữ.</li> <li>- Cơ cấu dân số theo tuổi:</li> <li>+ Nước đang phát triển: thường có cơ cấu dân số trẻ</li> <li>+ Nước phát triển: thường có cơ cấu dân số già.</li> <li>- Quá trình đô thị hoá:</li> <li>+ Nước phát triển: Đô thị hoá diễn ra sớm, tỉ lệ dân thành thị cao, xu hướng chuyển cư từ trung tâm ra ngoại ô, nhịp độ đô thị hoá đang chậm lại.</li> <li>+ Nước đang phát triển: Đô thị hoá diễn ra muộn hơn, tỉ lệ dân thành thị thấp, xu hướng nhập cư từ nông thôn vào thành phố, nhịp độ đô thị hoá đang rất nhanh</li> </ul>	<b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,5</b> <b>0,5</b>
<b>Câu 8: Cơ cấu kinh tế, ngành kinh tế:</b>		<b>2,0</b>
<b>8 (2.0)</b>	<b>Các nhân tố kinh tế xã hội có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dân cư và nguồn lao động:</li> <li>+ Vừa là lực lượng sản xuất trực tiếp vừa là nguồn tiêu thụ các nông sản.</li> <li>+ Truyền thống sản xuất, tập quán ăn uống của các dân tộc ảnh hưởng không nhỏ tới sự phân bố cây trồng, vật nuôi.</li> <li>- Các quan hệ sở hữu ruộng đất: ảnh hưởng đến con đường phát triển nông nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp.</li> <li>- Tiến bộ khoa học – kĩ thuật:</li> <li>+ Thể hiện ở các biện pháp cơ giới hoá, thuỷ lợi hoá, hoá học hoá, điện khí hoá, cách mạng xanh (giống) và áp dụng công nghệ sinh học ... để tăng năng suất</li> <li>+ Hạn chế được những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, chủ động hơn trong sản xuất, nâng cao năng suất và sản lượng</li> <li>- Thị trường:</li> <li>+ Tác động mạnh đến sản xuất nông nghiệp và giá cả nông sản.</li> <li>+ Điều tiết sự hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.</li> <li>- Đường lối chính sách phát triển kinh tế và phát triển nông nghiệp cũng ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>	<b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b> <b>0,25</b>
<b>Câu 9 : Môi trường và phát triển bền vững</b>		<b>2,0</b>
<b>9 (2.0)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Sự khác nhau căn bản giữa môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo.</b></li> <li>- Môi trường tự nhiên xuất hiện trên bề mặt Trái Đất không phụ thuộc vào con người. Con người tác động vào tự nhiên, làm cho nó bị thay đổi,</li> </ul>	<b>0,25</b>

	<p>nhưng các thành phần tự nhiên vẫn phát triển theo quy luật riêng của nó.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường nhân tạo là kết quả lao động của con người, nó tồn tại hoàn toàn phụ thuộc vào con người. Nếu không có bàn tay chăm sóc của con người, thì các thành phần của môi trường nhân tạo sẽ bị hủy hoại.</li> <li>• <b>Phân tích ba chức năng của môi trường địa lí.</b></li> <li>- Là không gian sống của con người: mọi hoạt động của con người đều diễn ra trong môi trường địa lí; môi trường địa lí cung cấp và đảm bảo về nhu cầu ăn, ở, mặc cho con người.</li> <li>- Là nơi cung cấp tài nguyên thiên nhiên: các sản phẩm vật chất do con người tạo ra đều có nguồn gốc xuất phát từ tự nhiên =&gt; cần sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.</li> <li>- Là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra: các chất thải của con người được môi trường biến đổi làm chúng trở về trạng thái ổn định vốn có trong tự nhiên, tuy nhiên, rác thải con người đưa vào môi trường ngày càng nhiều, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và đời sống.</li> </ul>	<p><b>0,25</b></p> <p><b>0,5</b></p> <p><b>0,5</b></p> <p><b>0,5</b></p>																				
<b>Câu 10: Bài tập địa lí dân cư, ngành kinh tế Việt Nam.</b>		<b>3,0</b>																				
<p><b>10</b> <b>(3.0)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất so sánh tình hình sản xuất than, dầu mỏ và điện của nước ta thời kì 2000 – 2011:</b></li> <li>- Biểu đồ thích hợp nhất: biểu đồ cột liền kết hợp đường: cột liền hay gọi là cột đơn gộp nhóm hoặc cột ghép: thể hiện dầu mỏ và than; đường thể hiện sản lượng điện, vẽ theo giá trị tuyệt đối.</li> </ul> <div data-bbox="280 1077 1390 1666" data-label="Figure"> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Dầu mỏ (triệu tấn)</th> <th>Than (triệu tấn)</th> <th>Điện (tỉ Kwh)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2000</td> <td>16.3</td> <td>11.6</td> <td>26.7</td> </tr> <tr> <td>2005</td> <td>18.5</td> <td>34.1</td> <td>52.1</td> </tr> <tr> <td>2008</td> <td>14.9</td> <td>39.8</td> <td>71</td> </tr> <tr> <td>2011</td> <td>15.2</td> <td>46.6</td> <td>101.2</td> </tr> </tbody> </table> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dạng biểu đồ khác không cho điểm.</li> <li>- Thiếu hoặc sai mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm.</li> <li>• <b>So sánh và giải thích tình hình sản xuất than, dầu mỏ và điện của nước ta thời kì trên.</b></li> <li>+ Giống nhau: Sản lượng điện và than đều tăng liên tục.</li> <li>+ Khác nhau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng điện và than có tốc độ tăng khác nhau:</li> <li>+ Sản lượng than tăng nhanh hơn, tăng từ 11,6 triệu tấn lên 46,6 triệu tấn, tăng 4,0 lần.</li> </ul> </li> </ul>	Năm	Dầu mỏ (triệu tấn)	Than (triệu tấn)	Điện (tỉ Kwh)	2000	16.3	11.6	26.7	2005	18.5	34.1	52.1	2008	14.9	39.8	71	2011	15.2	46.6	101.2	<p><b>1,5</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>
Năm	Dầu mỏ (triệu tấn)	Than (triệu tấn)	Điện (tỉ Kwh)																			
2000	16.3	11.6	26.7																			
2005	18.5	34.1	52.1																			
2008	14.9	39.8	71																			
2011	15.2	46.6	101.2																			

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản lượng điện tăng chậm hơn, tăng từ 26,7 tỉ kwh lên 101,2 tỉ kwh, tăng 3,8 lần.</li> <li>- Sản lượng dầu tăng không ổn định, từ 2000 đến 2005 tăng, sau đó đến 2008 giảm, đến nay lại tăng nhẹ.</li> <li>✚ Giải thích: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng than tăng liên tục do mở rộng được thị trường xuất khẩu, áp dụng công nghệ hiện đại trong khai thác và nhu cầu cấp nhiên liệu, nguyên liệu cho công nghiệp tăng.</li> <li>- Sản lượng điện tăng liên tục do phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt tăng, đưa vào khai thác nhiều nhà máy điện mới.</li> <li>- Sản lượng dầu tăng do đưa vào khai thác nhiều mỏ dầu mới và áp dụng công nghệ tiên tiến, giai đoạn giảm do điều kiện khai thác khó khăn.</li> </ul> </li> <li>✚ Lưu ý: nếu học sinh không trả lời giống nhau và khác nhau thì phần nhận xét không cho điểm.</li> </ul>	<p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>
<b>Tổng</b>		<b><u>20</u></b>

..... Hết .....